



CÔNG KHAI
Thông tin cơ sở vật chất năm học 2025-2026

STT	Nội dung		Số lượng	Diện tích		
I	Số phòng học					
1	Phòng học kiên cố		14	840 m ²		
II	Phòng chức năng					
5	Phòng bán kiên cố		3	180 m ²		
6	Phòng bán kiên cố		3	210 m ²		
8	Bình quân học sinh/lớp		546/12 lớp	45,5 HS/ lớp		
III	Tổng số diện tích đất (m ²)		35940 m ²	74.7 m ² /1học sinh		
IV	Tổng diện tích sân chơi, bãi tập (m ²)		2500 m ²	5,1 m ² /1học sinh		
V	Tổng diện tích phòng học					
1	Diện tích phòng học (m ²)		60 m ²	1,39 m ² /1học sinh		
2	Diện tích phòng học bộ môn (m ²)		70 m ²	1,6 m ² /1học sinh		
3	Diện tích thư viện (m ²)		70 m ²	0.14 m ² /1học sinh		
4	Diện tích phòng hoạt động Đoàn Đội, phòng truyền thống (m ²)		60 m ²	0,12 m ² /1học sinh		
VI	Tổng số thiết bị dùng cho dạy và học		Số lượng	Bình quân		
1	Ty vi		14	1,27/ lớp		
2	Máy vi tính		40	13,3 HS/ bộ		
VII	Tổng số thiết bị dùng chung khác		Bộ	Nơi để		
1	Ti vi		1	Phòng họp		
2	Máy vi tính		5	Phòng HT,HP, VP		
5	Thiết bị khác (Tăng âm, loa từng)		1	Phòng đội		
VIII	Nhà vệ sinh	Số khu	Dùng cho GV		Số m ² /học sinh	
			Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
		1	Đạt chuẩn vệ sinh	2/50 m ²	0	25 m ²

	Nội dung	Số lượng	Không
IX	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	1	
X	Nguồn điện lưới	2	
XI	Gói internet	2	
XII	Tường rào xây	1	
XIII	Cổng sắt	1	

Giai Lạc, ngày 10 tháng 09 năm 2025

Người thông kê



Lê Văn Vị

Thủ trưởng đơn vị




Nguyễn Văn Hân